

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt hình thức quản lý dự án, thiết kế bản vẽ thi công,
dự toán xây dựng công trình và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án
Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Nam Định**

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1591/QĐ-LĐTBXH ngày 30/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Nam Định;

Căn cứ Văn bản số 193/SXD-QLHĐXD ngày 22/8/2016 của Sở Xây dựng tỉnh Nam Định thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Nam Định;

Căn cứ Công văn số 115/TD-PCCC ngày 12/9/2016 của Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ Công an tỉnh Nam Định về thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy công trình Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Nam Định;

Xét Tờ trình số 93/TTr-LĐTBXH ngày 24/8/2016 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Nam Định về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Nam Định và Báo cáo số 105/BC-SLĐTBXH ngày 29/6/2016 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Nam Định đề xuất hình thức quản lý dự án (kèm theo hồ sơ có liên quan);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hình thức quản lý dự án Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Nam Định như sau:

Giao Chủ đầu tư thương thảo, làm rõ những công việc quản lý cần thiết và thực hiện trình tự, thủ tục để ký hợp đồng ủy thác quản lý dự án với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định tại Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng và triển khai thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 2. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình dự án Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Nam Định với những nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Nam Định.
2. Loại, cấp công trình: Công trình xây dựng dân dụng cấp IV.
3. Địa điểm xây dựng: Xã Nam Phong, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định.
4. Nhà thầu lập báo cáo khảo sát xây dựng: Công ty Cổ phần Great Việt Nam.
5. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng: Công ty Cổ phần Great Việt Nam.
6. Chủ nhiệm, các chủ trì khảo sát, thiết kế và dự toán.
 - Chủ trì khảo sát: Kiến trúc sư Mai Văn Bảy.
 - Chủ trì thiết kế: Kiến trúc sư Phạm Văn Đà.
 - Chủ trì Dự toán: Kỹ sư Ngô Văn Hòa.
7. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật, giải pháp thiết kế chủ yếu.
 - Các hạng mục xây dựng chính:
 - + Nhà điều dưỡng số 1: Cải tạo, nâng cấp hạng mục hiện có để điều chỉnh công năng thành nhà điều dưỡng người có công với diện tích sàn là 1.165 m², nhà cao 02 tầng. Nội dung cải tạo, nâng cấp chính gồm: Phá dỡ để điều chỉnh một số chi tiết trong nhà; mở rộng phía sau nhà để xây mới khu vệ sinh; lát lại nền nhà, thay mới hệ thống cửa đi và cửa sổ bằng cửa khung nhựa, lõi thép; thay mới hệ thống mái, cấp điện, cấp thoát nước và trang thiết bị đồng bộ.
 - + Nhà điều dưỡng số 2, số 3: Cải tạo, nâng cấp hạng mục hiện có để điều chỉnh công năng thành nhà điều dưỡng người có công với diện tích sàn là 842 m², nhà cao 02 tầng. Nội dung cải tạo, nâng cấp chính gồm: Phá dỡ để điều chỉnh một số chi tiết trong nhà; mở rộng phía sau nhà để xây mới khu vệ sinh; lát lại nền nhà, thay mới hệ thống cửa đi và cửa sổ bằng cửa khung nhựa, lõi thép; thay mới hệ thống mái, cấp điện, cấp thoát nước và trang thiết bị đồng bộ.
 - + Nhà điều dưỡng số 4: Cải tạo, nâng cấp hạng mục hiện có để điều chỉnh công năng thành nhà điều dưỡng người có công với diện tích sàn là 828 m², nhà cao 02 tầng. Nội dung cải tạo, nâng cấp chính gồm: Phá dỡ để điều chỉnh một số chi tiết trong nhà; xây mới khu vệ sinh; lát lại nền nhà, thay mới hệ thống cửa đi và cửa sổ bằng cửa khung nhựa, lõi thép; thay mới hệ thống mái, cấp điện, cấp thoát nước và trang thiết bị đồng bộ.

+ Nhà hành chính: Cải tạo, nâng cấp hạng mục hiện có với diện tích sàn là 728 m², nhà cao 02 tầng. Nội dung cải tạo, nâng cấp chính gồm: Phá dỡ để điều chỉnh một số chi tiết trong nhà; cải tạo khu vệ sinh; lát lại nền nhà, thay mới hệ thống cửa đi và cửa sổ bằng cửa khung nhựa, lõi thép; thay mới hệ thống mái, cấp điện, cấp thoát nước và trang thiết bị đồng bộ.

+ Nhà ăn: Cải tạo, nâng cấp hạng mục hiện có diện tích sàn là 496 m², nhà cao 01 tầng. Nội dung cải tạo, nâng cấp chính gồm: Phá dỡ để điều chỉnh một số chi tiết trong nhà; cải tạo khu vệ sinh; lát lại nền nhà, thay mới hệ thống cửa đi và cửa sổ bằng cửa khung nhựa, lõi thép; thay mới hệ thống mái, cấp điện, cấp thoát nước và trang thiết bị đồng bộ.

+ Hội trường: Cải tạo, nâng cấp hội trường với quy mô khoảng 150 chỗ, diện tích sàn là 434 m², nhà cao 01 tầng. Nội dung cải tạo, nâng cấp chính gồm: Phá dỡ để điều chỉnh một số chi tiết trong nhà; lát lại nền nhà, thay mới hệ thống cửa sổ bằng cửa khung nhựa, lõi thép; thay mới hệ thống trần thạch cao khung xương chìm, cấp điện, cấp thoát nước và trang thiết bị đồng bộ.

+ Nhà phục hồi chức năng, giặt là: Cải tạo, nâng cấp hạng mục hiện có để điều chỉnh công năng thành nhà phục hồi chức năng, giặt là với diện tích sàn là 823 m², nhà cao 01 tầng. Nội dung cải tạo, nâng cấp chính gồm: Phá dỡ một số chi tiết trong nhà; lát lại nền nhà, thay mới hệ thống cửa sổ và cửa đi bằng cửa khung nhựa, lõi thép; cải tạo khu vệ sinh; thay mới hệ thống trần thạch cao khung xương chìm, cấp điện, cấp thoát nước và trang thiết bị đồng bộ.

+ Nhà trực của cán bộ Trung tâm: Cải tạo, nâng cấp hạng mục hiện có để điều chỉnh công năng thành nhà trực của cán bộ Trung tâm với diện tích sàn là 198 m², nhà cao 01 tầng. Nội dung cải tạo, nâng cấp chính gồm: Phá dỡ một số chi tiết trong nhà; lát lại nền nhà, thay mới hệ thống cửa sổ và cửa đi bằng cửa khung nhựa, lõi thép; cải tạo khu vệ sinh; thay mới hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và trang thiết bị đồng bộ.

- Sân đường, vườn hoa, cây xanh và cảnh quan đáp ứng yêu cầu cho công tác điều dưỡng người có công.

- Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị đồng bộ.

8. Dự toán xây dựng công trình: 74.379.973.000 đồng

(Bằng chữ: Bảy mươi bốn tỷ, ba trăm bảy mươi chín triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	47.601.780.000	đồng
- Chi phí thiết bị:	11.655.134.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	1.114.741.000	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	2.986.031.000	đồng
- Chi phí khác:	2.620.162.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	8.402.125.000	đồng

(Chi tiết dự toán theo Phụ lục 1 kèm theo Quyết định này).

9. Thời hạn sử dụng công trình: Thực hiện theo quy định tại Quy chuẩn 03:2012/BXD quy chuẩn quốc gia về phân loại, phân cấp công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật do Bộ Xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BXD ngày 28/12/2012 của Bộ Xây dựng.

10. Một số nội dung lưu ý:

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tiếp thu ý kiến của Sở Xây dựng tỉnh Nam Định tại Văn bản số 193/SXD-QLHĐXD ngày 12/8/2016 để triển khai, thực hiện theo đúng quy định.

- Đối với các hạng mục Cây xanh và trang thiết bị: Chủ đầu tư yêu cầu đơn vị tư vấn thiết kế kiểm tra, rà soát, điều chỉnh và bổ sung thiết kế, dự toán cho phù hợp với yêu cầu sử dụng của công trình, đảm bảo tiết kiệm, tránh lãng phí; hoàn thiện các thủ tục cần thiết về thẩm định và báo cáo Bộ xem xét, phê duyệt.

11. Giao Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính có văn bản hướng dẫn Chủ đầu tư dự án triển khai thực hiện cụ thể tại khoản 10 nêu trên và các nội dung có liên quan đến thiết kế bản vẽ thi công, dự toán theo quy định.

Điều 3. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Nam Định theo chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo Quyết định này.

Chủ đầu tư dự án căn cứ vào các nội dung được phê duyệt tại Điều 2 của Quyết định này chịu trách nhiệm rà soát, phê duyệt dự toán gói thầu cho phù hợp với đơn giá tại thời điểm thực hiện để làm căn cứ đánh giá, lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015, Khoản 2, Điều 117, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ và tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng Bộ, Chủ đầu tư dự án, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Nam Định, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc Bộ, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Trung tâm Thông tin (công bố trên cổng thông tin điện tử của Bộ);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.



PHỤ LỤC 1
TỔNG DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
DỰ ÁN: TRUNG TÂM ĐIỀU DƯỠNG NGƯỜI CÓ CÔNG TÍNH NAM ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số 1239/QĐ-LĐTBXH ngày 20 tháng 9 năm 2016
của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Đơn vị: đồng

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	GIÁ TRỊ
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	47.601.780.000
1	Nhà số 1 (nhà điều dưỡng)	5 401 336 000
2	Nhà số 2 (nhà điều dưỡng)	3 741 435 000
3	Nhà số 3 (nhà điều dưỡng)	3 741 435 000
4	Nhà số 4 (nhà điều dưỡng)	3 496 680 000
5	Nhà số 5 (nhà hành chính)	1 711 176 000
6	Nhà số 6 (nhà bếp ăn)	1 592 772 000
7	Nhà số 7 (nhà hội trường)	1 874 605 000
8	Nhà số 8 (nhà tập phục hồi chức năng, giặt là, phơi)	2 234 390 000
9	Nhà số 9 (nhà thường trực + công chính)	302 590 000
10	Nhà số 10 (nhà để xe máy)	185 619 000
11	Nhà số 11 (nhà kỹ thuật điện nước)	317 715 000
12	Nhà số 15 (nhà nghỉ trực cán bộ)	648 061 000
13	Bể nước ngầm	251 264 000
14	Cấp nước chữa cháy	245 764 000
15	Cấp nước sinh hoạt	102 943 000
16	Điện tổng thể	1 438 357 000
17	San nền	1 688 211 000
18	thoát nước tổng thể	2 060 785 000
*	Kiến trúc cảnh quan	
19	Phá dỡ kết cấu sân đường cũ	998 454 000
20	Hồ điều hòa	1 094 396 000
21	Đường dạo	6 394 233 000
22	Đài phun nước	453 739 000
23	Chòi nghỉ	645 036 000
24	Trồng cây xanh (tạm tính)	6 980 784 000
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ (tạm tính)	11.655.134.000
1	Thiết bị chung	9.068.044.000
2	Thiết bị phục hồi chức năng	1.927.090.000
3	Thiết bị phòng cháy chữa cháy	660.000.000
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	1.114.741.000
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	2.986.031.000
1	Lập dự án đầu tư xây dựng công trình	248.756.000
2	Chi phí khảo sát xây dựng	250.000.000
3	Chi phí lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	984.126.000
4	Chi phí thẩm tra tổng mức đầu tư dự án.	15.249.000
5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu xây lắp	84.969.000



STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	GIÁ TRỊ
6	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu thiết bị	33.333.000
7	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn thiết kế	20.100.000
8	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu tư vấn giám sát	15.000.000
9	Chi phí giám sát thi công xây dựng	962.936.000
10	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	77.961.000
11	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng	47.601.000
12	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu thiết bị	2.000.000
13	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu giám sát thi công xây dựng	4.000.000
14	Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (tạm tính)	220.000.000
15	Thẩm định giá (tạm tính)	20.000.000
V	CHI PHÍ KHÁC	2.620.162.000
1	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình	10.250.000
2	Lệ phí thẩm định thiết bản vẽ thi công	52.349.000
3	Lệ phí thẩm định Tổng dự toán	50.604.000
4	Chi phí thẩm tra và phê duyệt quyết toán	173.858.000
5	Chi phí kiểm toán	602.293.000
6	Chi phí bảo hiểm công trình	142.216.000
7	Chi phí thẩm duyệt Phòng cháy chữa cháy	34.301.000
8	Chi phí hạng mục chung	1.554.291.000
-	<i>Chi phí lán trại, xây dựng nhà tạm để ở và điều hành thi công</i>	<i>476.017.000</i>
-	<i>Chi phí một số công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế</i>	<i>1.078.274.000</i>
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	8.402.125.000
	TỔNG CỘNG	74.379.973.000



Ghi chú:

- Đối với hạng mục xanh, Trang thiết bị: Giá trị dự toán là tạm tính. Chủ đầu tư phải rà soát, điều chỉnh, bổ sung thiết kế, dự toán, thẩm định và trình phê duyệt theo quy định tại Khoản 10 Quyết định này.

- Đối với các hạng mục khác có dự toán tạm tính: Giá trị dự toán là giá trị tạm tính, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm lập dự toán chi tiết phù hợp với quy định của Nhà nước và thẩm định, phê duyệt dự toán trước khi thực hiện.

PHỤ LỤC 2

Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Nam Định
(Kèm theo Quyết định số 1239/QĐ-LĐTBXH ngày 20/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (Đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
I	Phần công việc đã thực hiện	1.518.231.000						
1	Chi phí lập dự án đầu tư	248.756.000						
2	Chi phí khảo sát xây dựng	250.000.000						
3	Chi phí thẩm tra tổng mức đầu tư dự án	15.249.000	Ngân sách nhà nước					Quyết định số 8580/QĐ-LĐTBXH ngày 30/6/2015 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Nam Định
4	Chi phí lập thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán	984.126.000						
5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu tư vấn thiết kế.	15.100.000						Quyết định 11415/QĐ-LĐTBXH ngày 09/10/2015 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Nam Định
6	Thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn thiết kế	5.000.000						
II	Phần công việc không áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu	1.436.103.000						
1	Quản lý dự án	1.114.741.000						
2	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	173.858.000	Ngân sách nhà nước					
3	Phí thẩm định dự án đầu tư	10.250.000						
4	Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công	52.349.000						
5	Phí thẩm định dự toán công trình	50.604.000						
6	Phí thẩm duyệt Phòng cháy chữa cháy	34.301.000						

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (Đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
III	Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu	43.915.173.000						
1	Gói thầu xây lắp (không bao gồm cây xanh)	41.965.863.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Quý III/2016	Theo đơn giá cố định	30 tháng
2	Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu xây lắp	74.909.000		Chỉ định thầu		Quý III/2016	Trọn gói	60 ngày
3	Thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp	41.965.000		Chỉ định thầu		Quý III/2016	Trọn gói	60 ngày
4	Giám sát thi công xây dựng công trình	848.927.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Quý III/2016	Trọn gói	30 tháng
5	Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình	15.000.000	Ngân sách nhà nước	Chỉ định thầu		Quý III/2016	Trọn gói	60 ngày
6	Thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình	4.000.000		Chỉ định thầu		Quý III/2016	Trọn gói	60 ngày
7	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	220.000.000		Chỉ định thầu		Quý III/2016	Trọn gói	60 ngày
8	Bảo hiểm xây dựng công trình	142.216.000		Chỉ định thầu		Quý III/2016	Trọn gói	30 tháng
9	Kiểm toán dự án	602.293.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Quý IV/2018	Trọn gói	150 ngày
IV	Dự phòng cho gói thầu xây lắp	3.411.824.662						
	<i>Dự phòng cho khối lượng phát sinh (5%)</i>	<i>2.098.293.150</i>						
	<i>Dự phòng cho yếu tố trượt giá (3,13%)</i>	<i>1.313.531.512</i>						

Ghi chú: Giá gói thầu xây lắp gồm 40.620.996.000 đồng chi phí xây dựng và 1.344.867.000 đồng chi phí hạng mục chung